TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2018
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Bà Nguyễn Thị Bình

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Công Quảng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23/5/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Minh L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 4, đường số 7, thôn 1, xã C, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

- Bị đơn: Ông Phùng Ngọc B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 4, đường số 7, thôn 1, xã C, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng X. Địa chỉ: Số 168, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn N, sinh năm 1979. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Đức Linh.

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Đông Đ, sinh năm 1973. Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Đức Linh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị Minh L trình bày: Năm 1997, sau khi tìm hiểu bà và ông B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đức Linh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B có tính trăng hoa, không chung thủy, về nhà kiếm chuyện gây gỗ đánh đập bà khiến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, đã ly thân nhiều năm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phùng Ngọc Minh H, sinh năm 1999 và Phùng Ngọc Minh Q, sinh ngày 25/4/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 959393 và thửa đất số 124, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 615775. Tuy nhiên, ngày 08/6/2018, bà L đã có đơn rút yêu cầu về phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có vay tại Ngân hàng B số tiền 60.000.000 đồng; vay phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Đức Linh số tiền 15.000.000 đồng; vay bà Hoàng Thị L1 (mẹ ruột bà L) 02 chỉ vàng 24K trị giá 7.000.000 đồng; vay bà Bùi Thị Minh P (em ruột bà L) số tiền 5.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ này, Bà L yêu cầu, bà và ông B mỗi người phải trả ½ số nợ chung.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Phùng Ngọc B khai thống nhất như lời khai của bà L về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn và con chung. Ông B cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng xung đột, mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp. Ông thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có cãi nhau, đôi lúc không kìm chế được, ông đã đánh bà L. Vợ chồng ông đã ly thân hơn hai năm nay vẫn không hàn gắn được. Tại phiên hòa giải ngày 08/6/2018, ông B đề nghị Tòa án cho thời gian để vợ chồng suy nghĩ kỹ về hôn nhân, nếu sau đó bà L vẫn kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý. Trường hợp ly hôn, ông B đồng ý giao cháu Q cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Ông B yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông B thừa nhận các khoản nợ chung của vợ chồng theo như lời bà L trình bày và đồng ý để bà L trả các khoản nợ trên.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của bà L, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án cho Phòng giao dịch Ngân hàng X Đức Linh, Ngân hàng B chi nhánh Đức Linh, bà Hoàng Thị L1, bà Bùi Thị Minh P biết và triệu tập tham gia tố tụng. Ngày 08/6/2018, Ngân hàng B chi nhánh Đức Linh đã có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập nhưng đến ngày 13/7/2018, đã có đơn rút yêu cầu với lý do bà L đã thanh toán xong nợ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2018, bà Hoàng Thị L1 và bà Bùi Thị Minh P cam kết không khởi kiện yêu cầu độc lập và yêu cầu Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2018, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng X Đức Linh trình bày: Ngày 14/11/2017, Phòng giao dịch ngân hàng X Đức Linh phê duyệt cho bà L ông B vay vốn theo chương trình cho học sinh, sinh viên theo khế ước vay vốn số 6600000711451824 với số tiền 45.000.000 đồng được giải ngân theo nhiều kỳ. Tính đến ngày 18/01/2018 thì bà L ông B đã vay vốn (được giải ngân) với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận vay là 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Tính đến ngày 13/9/2018, bà L, ông B còn nợ Phòng giao dịch ngân hàng X Đức Linh số tiền 15.748.000đồng. Trong đó, nợ gốc 15.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/9/2018 là 748.000đồng. Nay do vợ chồng bà L ly hôn nên Phòng giao dịch ngân hàng X Đức Linh khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L phải trả số tiền nợ đã vay và tiền lãi phát sinh như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa bà L và ông B không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân thời gian dài, không hàn gắn được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, đồng thời giao cháu Q cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L được ông B đồng ý nên cần được chấp nhận.Về nợ: khoản nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Đức Linh, bà L tự nguyện đồng ý trả nên cần chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Xét thấy nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng X Đức Linh với bà L, ông B có những tình tiết sự kiện tương sự đã được nêu trong án lệ số 08/2016/AL nên Hội đồng xét xử áp dụng án lệ này để giải quyết tranh chấp này là đúng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B là đúng pháp luật.

Ngân hàng B chi nhánh Đức Linh đã có đơn khởi kiện, chưa được Tòa án thụ lý và đã có đơn rút yêu cầu; bà Hoàng Thị L1 và bà Bùi Thị Minh P cam kết không khởi kiện yêu cầu độc lập và yêu cầu Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Tòa án không đưa

những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà L ông B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của ông bà và giấy khai sinh do UBND xã C cấp cho người được khai sinh tên Phùng Ngọc Minh H và Phùng Ngọc Minh Q thì có đủ cơ sở xác định, Minh H và Minh Q là con chung của bà L và ông B. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Trên cơ sở các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà L, ông B thì thấy rằng, trong những năm gần đây, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm, giữa ông bà đã không còn quan tâm, lo lắng, thương yêu nhau. Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông B đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con Phùng Ngọc Minh Q, sinh ngày 25/4/2012 và yêu cầu ông B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Yêu cầu này của bà L được ông B chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần giao cho bà L trực tiếp nuôi cháu Q và buộc ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà L là đúng quy định pháp luật. Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Do nguyên đơn đã có đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí về phần chia tài sản chung cho bà L là đúng pháp luật.

Đối với khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng X Đức Linh. Do các đương sự đã thỏa thuận được việc trả nợ, cụ thể bà L đồng ý thanh toán số tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh và được Phòng giao dịch Ngân hàng X Đức Linh chấp thuận. Do đó cần ghi nhận thỏa thuận này và buộc bà L trả nợ là phù hợp, cụ thể số tiền buộc bà L phải trả là 15.748.000đồng. Trong số nợ gốc là 15.000.000đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/9/2018 là 748.000đồng. Kể từ ngày 14/9/2018, bà L còn

phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận khi xác lập giao dịch vay.

Do Ngân hàng B chi nhánh Đức Linh đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện độc lập; bà Hoàng Thị L1 và bà Bùi Thị minh P cam kết không khởi kiện yêu cầu độc lập và đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này là có căn cứ pháp luật. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Ghi nhận việc bà L đã tự trả số tiền 51.000.000 đồng cho Ngân hàng B chi nhánh Đức Linh và việc bà đồng ý trả số tiền 15.748.000 đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng X Đức Linh. Đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nếu sau này bà L và ông B không thỏa thuận phân chia tài sản chung được và có tranh chấp thì bà L có quyền yêu cầu cấn trừ số nợ chung này để xem xét khi phân chia tài sản chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì cần buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X do được Tòa án chấp nhận; buộc ông B phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 , Điều 217, Điều 218, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Án lệ số 08/2016/AL; Luật Thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Minh L.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Bà Bùi Thị Minh L ly hôn ông Phùng Ngọc B.

- Về con chung: Giao cho bà Bùi Thị Minh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Bùi Minh Q, sinh ngày 25/4/2012. Buộc ông Phùng Ngọc B cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông B còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Minh L về chia tài sản khi ly hôn.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng X huyện Đức Linh. Buộc bà Bùi Thị Minh L phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Đức Linh số tiền 15.748.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 15.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 13/9/2018 là 748.000 đồng.

Kể từ ngày 14/9/2018, Bà L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, cụ thể: Lãi suất trong hạn 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng đối với khoản nợ gốc 15.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ gốc cho Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện Đức Linh.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 787.000đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 4.488.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0018442 ngày 23/5/2018. Hoàn trả lại cho bà L 3.401.000đồng; Ông Phùng Ngọc B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2018), bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKDND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Trần Phước Hiệu